

TỜ TRÌNH
Về việc báo cáo và đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty PV Building năm 2020.

Tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Công ty PV Building) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 23/4/2018 quy định:

“Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

...”

Quy định này phù hợp khi Công ty PV Building là công ty đại chúng niêm yết (Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP).

Theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

- Hội đồng quản trị hiện có 03 thành viên (02 người đại diện của BSR, 01 đại diện của nhóm cổ đông cá nhân), chưa có thành viên độc lập HĐQT;

- Đồng thời, giao Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án nhân sự để giới thiệu Đại hội đồng cổ đông quyết định bổ sung thành viên độc lập HĐQT khi Công ty trở thành công ty niêm yết.

Tuy nhiên, hiện tại cổ phiếu của Công ty PV Building đã được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom tại HNX với Mã chứng khoán: PBT (Quyết định số 835/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) nhưng Công ty chưa đáp ứng điều kiện được quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 14/2007/ND-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán để trở thành công ty niêm yết;

Ngoài ra, BSR đang có kế hoạch thoái vốn tại PV Building nên thời gian đến cơ cấu và tỷ lệ nắm giữ vốn của các cổ đông tại PV Building sẽ có nhiều thay đổi; do đó, đến nay Hội đồng quản trị chưa chuẩn bị được nhân sự cụ thể đủ điều kiện đáp ứng quy định về tiêu chuẩn đối với nhân sự tham gia thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Đề án tái cấu trúc Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 phê duyệt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên từng lĩnh vực: Dịch vụ hậu cần (dịch vụ quản lý nhà, dịch vụ lưu trú, các dịch vụ hậu cần khác); Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì; Thương mại (kinh doanh hạt



nhựa PP và các loại hạt nhựa khác, cung cấp vật tư, tiêu thụ các sản phẩm của BSR...) thời gian qua ngày càng ổn định và phát triển bền vững; do đó, việc nâng cao hơn nữa về chất lượng và số lượng trong công tác giám sát và quản trị của Hội đồng quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã trở thành yêu cầu cần thiết, trong khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện tại (03 người) chưa đủ đáp ứng.

Xuất phát từ tình hình nêu trên, để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng công việc của Hội đồng quản trị trong thời gian đến, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí xem xét chấp thuận sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty 2018 như sau:

“2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Căn cứ tình hình thực tế, Công ty sẽ tiến hành bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật”.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Hợp



**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 04 năm 2020
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông và Công ty; đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm các nội dung:

- Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị;
- Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- Thành lập và hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc;
- Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.
- Lựa chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty;
- Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này những từ ngữ và viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. Luật Doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;

2. Luật chứng khoán là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;

3. Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty là bản Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018;

4. Công ty hoặc PV Building là Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

5. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

6. Hội đồng quản trị (HĐQT) là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

7. Giám đốc (GD) là Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

8. Phó Giám đốc (PGĐ) là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

9. Kế toán trưởng (KTT) là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

10. Ban kiểm soát (BKS) là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

11. Quản trị Công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

12. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

13. Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

14. Ban điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

15. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

16. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh

nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, cổ đông Công ty còn có các quyền sau đây:

a. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 5. Những nội dung liên quan đến cổ đông lớn

Cổ đông lớn của Công ty có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty; ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Mục 2.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo Quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Đối với các cổ đông đã lưu ký cổ phiếu, Công ty dựa trên danh sách cổ đông được xác nhận từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (tùy thuộc vào điều kiện của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật). Công ty hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Thời gian gửi thông báo và nội dung thông báo triệu tập ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty.

Đối với các cổ đông đã lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời được công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên website Công ty. Đối với



các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được chuyển tận tay hoặc thông qua hình thức thư bảo đảm.

4. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

5. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người đại diện ủy quyền tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ. Các cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.

Trường hợp tổ chức được ủy quyền làm đại diện, tổ chức phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và chữ ký của cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp hoặc theo văn bản ủy quyền một lần của cổ đông là tổ chức.

d. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đăng ký hết.

4. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết các vấn đề tại ĐHĐCĐ được thực hiện theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu ra, bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền một phiếu biểu quyết. Cách thức giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng phiên họp cụ thể.



3. Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu theo hình thức tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành, số phiếu không có ý kiến.

4. Hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Trường hợp cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của ĐHĐCĐ về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông đã quy định tại Điều lệ, cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu của cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định trên, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu mua lại cổ phần.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trong vòng 24 giờ (hai mươi bốn giờ) kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty và các phương tiện khác theo quy định về công bố thông tin của Công ty đại chúng.

3. Việc công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thực hiện kịp thời, chính xác, đầy đủ và do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Các ứng viên Thành viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý về thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách cẩn trọng và trung thực nếu trúng cử;



3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT hoặc trường hợp thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty phải được công bố theo quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

Điều 14. Ứng cử, đề cử, giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 35% đến dưới 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 51% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc đề xuất tổ chức đề cử theo cơ chế/cách thức do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ lựa chọn các ứng viên HĐQT có số phiếu bầu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT cần bầu.

3. Nếu có các ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nắm giữ cổ phần nhiều hơn sẽ được chọn; trường hợp số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa Đại hội đề xuất và được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

7. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHCĐ thông qua kết quả phiếu bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin này theo đúng quy định của pháp luật.

Mục 2.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thông báo họp, điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Thông báo mời họp HĐQT phải bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm tổ chức họp, các tài liệu liên quan, các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp và được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo tới địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT, BKS đã đăng ký tại Công ty.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp bất thường nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn của một trong số các đối tượng sau:

- Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- Kiểm toán viên độc lập, cơ quan kiểm toán yêu cầu họp để bàn về báo cáo tài chính và/hoặc tình hình của Công ty.

6. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp HĐQT, trường hợp ủy quyền cho người khác phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 19. Cách thức biểu quyết thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc biểu quyết, thông qua nghị quyết của HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

3. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán



thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 20. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài (nếu có thành viên Hội đồng quản trị là người nước ngoài) và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Thông báo nghị quyết của HĐQT

1. Phát hành nội bộ: Nghị quyết của HĐQT được sao gửi:

- Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc;
- Các phòng ban, cá nhân liên quan nếu nội dung nghị quyết liên quan đến lĩnh vực cụ thể;
- Tất cả các phòng ban, cá nhân thuộc Công ty nếu nghị quyết liên quan đến hoạt động của toàn Công ty.

2. Thông báo ra bên ngoài: Việc thông báo Nghị quyết của HĐQT được thực hiện theo quy định về công bố thông tin.

Điều 22. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Cơ cấu các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên/trưởng tiểu ban, việc thành lập và hoạt động của tiểu ban thực hiện theo tại Điều 28 Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Người phụ trách quản trị công ty

Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty: theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.



Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty khi công ty niêm yết và có thể miễn nhiệm người này nhưng không được trái với quy định pháp luật về lao động. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG IV KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên: Theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Cách thức đề cử, ứng cử vị trí Kiểm soát viên được thực hiện tương tự cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT quy định tại Điều 14 Quy chế này.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông được thực hiện quyền đề cử, ứng cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

a. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 51% trở lên được đề cử hai (02) ứng viên;

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế/các thức được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.

5. Cách thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự cách thức bầu thành viên HĐQT được quy định tại Điều 15 Quy chế này.

6. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 34 Điều lệ Công ty.

7. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên được công bố trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHCĐ thông qua kết quả phiếu bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 25. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Ban điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc Công ty. Các Phó Giám đốc thực hiện và chịu trách nhiệm cá nhân theo các nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.



4. N F N H A I N

4. Kế toán trưởng tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

5. Nhiệm kỳ của Ban điều hành Công ty là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên Ban điều hành Công ty

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với vị trí đảm nhận.

3. Đối với Công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đó.

4. Tiêu chuẩn khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban điều hành Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương, lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Giám đốc) và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

4. Việc công bố bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban điều hành của Công ty tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 28. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty;
- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.



Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục tiêu, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

a. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy quyết định của Giám đốc trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT;

b. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Thời hạn cung cấp thông tin tối đa là 05 ngày làm việc kể từ khi Giám đốc nhận được yêu cầu bằng văn bản. Trường hợp chưa thể cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu, Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho thành viên HĐQT biết và xác nhận lại thời gian cung cấp;

c. HĐQT phải thông báo cho Giám đốc trước ít nhất 30 ngày việc sử dụng các nguồn lực để tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;

d. HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS cùng thời gian gửi các thành viên HĐQT;

e. HĐQT phải gửi Nghị quyết cho BKS trong vòng 24 giờ kể từ khi được thông qua; các nội dung xin ý kiến BKS phải được gửi trước ít nhất 07 ngày làm việc;

g. HĐQT phải tạo điều kiện cho BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng nhiệm vụ; tiếp thu, ghi nhận các ý kiến đóng góp của BKS;

h. Khi tiếp nhận báo cáo kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và xử lý, khắc phục kịp thời.

2. BKS là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động của Công ty. BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách độc lập với HĐQT, Giám đốc và phải báo cáo ĐHĐCĐ. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông Công ty về hoạt động giám sát của mình:

a. BKS có quyền giám sát tính hợp pháp trong hành động của các thành viên HĐQT; hoạt động của thành viên Ban điều hành; các cán bộ quản lý của Công ty và các vấn đề khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông;

b. BKS có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết, nếu có ý kiến khác với HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của BKS vào biên bản và trực tiếp báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Đối với kết quả kiểm tra định kỳ/đột xuất: BKS phải gửi kết luận bằng văn bản cho HĐQT. Tùy theo kết quả kiểm tra, BKS cần bàn bạc, thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo ĐHĐCĐ; trường hợp không thống nhất được ý kiến thì có quyền bảo lưu ý kiến vào biên bản;

d. Đối với các nội dung HĐQT, Giám đốc xin ý kiến, BKS có trách nhiệm phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

3. Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật:

a. Giám đốc phải thực hiện kiểm điểm việc triển khai các nghị quyết và các vấn đề khác được HĐQT phân cấp ủy quyền định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT;



b. Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian sớm nhất.

c. Giám đốc chịu trách nhiệm giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả, sự cố tài chính/kỹ thuật... và phải có kế hoạch khắc phục trước HĐQT, ĐHĐCĐ.

d. Khi phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc phải báo cáo HĐQT xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

e. Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy quyết định của HĐQT trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty và báo cáo giải trình ngay với HĐQT bằng văn bản.

g. Tất cả các văn bản trình HĐQT phải do Giám đốc ký, trong một số trường hợp cụ thể, Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc ký trình tuy nhiên Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về nội dung trình HĐQT.

4. Cuộc họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc phải được thông báo (có văn bản mời họp), ghi biên bản cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp.

5. Trong các trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Công ty, Giám đốc, BKS có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT và phải nêu rõ mục đích triệu tập.

6. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu. Yêu cầu cung cấp thông tin của BKS phải được gửi bằng văn bản đến người được yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do phải cung cấp và đảm bảo cam kết bảo mật thông tin trong quá trình giám sát.

7. Ngoài ra, việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc, BKS thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

Điều 30. Đánh giá hàng năm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

a. Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Ban điều hành.

b. Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ;

c. Trưởng ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các kiểm soát viên.

2. Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Hoàn thành nhiệm vụ;

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tiêu chí và phương thức đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

4. Khen thưởng, xử lý kỷ luật:

a. Việc khen thưởng được thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng của Công ty và quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.



b. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do người đó gây ra làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty.

c. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, cán bộ quản lý nếu có hành vi vi phạm quy định của Công ty, vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty, truy cứu trách nhiệm và bồi thường theo quy định của pháp luật.

d. Thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và pháp luật.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành bằng Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 Chương 32 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2020 tại tỉnh Quảng Ngãi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2020.

2. Cổ đông, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. Mọi hành vi vi phạm Quy chế này đều bị xem xét xử lý theo quy định của Công ty và pháp luật.

3. Các nội dung khác liên quan đến quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ khác của Công ty./.



**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn giữ các lĩnh vực chủ yếu: lĩnh vực dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất tiếp tục được xác định là nhiệm vụ cốt lõi; lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ, một số khách hàng truyền thống gặp khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh mặt hàng chính (tinh bột sắn); lĩnh vực hoạt động kinh doanh thương mại tuy có nhiều biến động song vẫn tiếp tục được duy trì.

Với sự năng động của tập thể HĐQT và Bộ máy điều hành, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động kết hợp với sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cổ đông, nhất là Cổ đông BSR (cổ đông chi phối) nên kết quả SXKD của Công ty cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019**

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	235,030	338,136	144%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	192,403	291,354	151%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,640	17,194	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	13,920	15,018	108%
5	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	7,321	9,966	136%
6	Lao động bình quân	người	375	353	94%
7	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	9,473	11,044	117%
8	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	5,489	6,399	117%
9	Quỹ lương người lao động	triệu đồng	24.699,048	27.105,817	110%

II. Kết quả công tác của HĐQT

1. Hoạt động của HĐQT:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, trong năm 2019, HĐQT với 03 thành viên: *01 Chủ tịch, 01 thành viên kiêm Giám đốc và 01 thành viên chuyên trách; tháng 8/2019 do yêu cầu công tác cán bộ của Cổ đông chi phối BSR, thành viên HĐQT kiêm Giám đốc được điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSR và tiếp tục là thành viên HĐQT kiêm nhiệm.*

HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 23/4/2019. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã họp, thảo luận và ra Nghị quyết/Quyết định kịp thời về các vấn đề quan trọng, các định hướng lớn của Công ty, cụ thể:

Tổ chức họp HĐQT 05 cuộc trực tiếp và 8 cuộc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 02 nghị quyết, 17 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý, thể hiện vai trò của HĐQT trong việc định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty và giám sát các hoạt động đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.

Hạn chế tồn tại:

- Chưa kiện toàn thành viên độc lập HĐQT theo Điều 23 Điều lệ Công ty.
- Chưa bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán Trưởng

(có Tờ trình kèm theo)

3. Công tác giám sát hoạt động của Bộ máy điều hành

Phương thức giám sát hoạt động của Bộ máy điều hành

- HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Bộ máy điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận với Giám đốc Công ty và Bộ máy điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở Bộ máy điều hành báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt

động kinh doanh từng Quý và đề ra kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn; đồng thời tạo mọi điều kiện cho Bộ máy điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Nhận xét đánh giá hoạt động của Bộ máy điều hành

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả hoạt động của Bộ máy điều hành như sau:

2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2019, Giám đốc Công ty và Bộ máy điều hành đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo của Giám đốc, Công ty đã đạt được các mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Các chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Bộ máy điều hành Công ty triển khai; Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng phát triển, Giám đốc và Bộ máy điều hành đã có những giải pháp hợp lý, mở rộng quy mô, ngành nghề SXKD của Công ty; chủ động tìm hiểu, nghiên cứu, sản xuất các loại sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mở ra hướng tiếp cận các thị trường mới.

Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là hệ thống thiết bị, máy móc của Phân xưởng sản xuất Bao bì nhằm nâng cao năng lực sản xuất, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu, chi phí sản xuất – vận hành.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất nói riêng và các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí nói chung luôn được chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty Cổ phần Lọc – hóa dầu Bình Sơn.

Đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty xây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán PBT) hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 17.522.284 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng.

Thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ theo quy định đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Kiến toàn cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và các quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Bộ máy tổ chức của Công ty được củng cố và hoàn thiện phù hợp với mô hình của Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ được rà soát, xem xét, bố trí theo chuyên môn được đào tạo. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy định.

Bộ máy điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Bộ máy điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện nghiêm túc. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2 Những việc còn hạn chế, khuyết điểm:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu, HĐQT nhận thấy Bộ máy điều hành vẫn còn một số việc chưa được giải quyết triệt để; cụ thể là:

- Công tác tham mưu xây dựng chiến lược Công ty còn nhiều bất cập
- Công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất bao bì nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng hơn phù hợp với năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường cần phải được đầu tư hơn nữa.
- Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động cần chú trọng để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát sinh.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. Mục tiêu

- Tập trung xây dựng chiến lược phát triển Công ty và định hướng 2030;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Tập đoàn/BSR, phối hợp với BSR để hoàn thành công tác thoái vốn của BSR tại PV Building còn 51% vốn điều lệ theo chỉ đạo của Tập đoàn. Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Công ty phù hợp khi BSR thoái vốn còn 51%;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà và các dịch vụ hậu cần khác theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, lấy chất lượng và phong cách phục vụ làm tiêu chí hàng đầu;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với tất cả các dòng sản phẩm hiện có; tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực để hướng đến xuất khẩu sản phẩm bao bì;
- Xây dựng kế hoạch việc tham gia vào thị trường phân phối: LPG, xăng, dầu trên địa bàn Quảng Ngãi và tại khu vực miền Trung; tiếp tục duy trì các hoạt động thương mại hiện có;
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ;
- Triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty;
- Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành.

II. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

1. Các chỉ tiêu năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Dvt	Kế hoạch 2020
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	192,394
2	Doanh thu	Tỷ đồng	257,000
3	Tổng chi phí (chưa lương)	Tỷ đồng	211,147
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,000
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,240

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,099
II	Chỉ tiêu lao động – tiền lương		
1	Lao động bình quân	Người	370
2	Năng suất lao động BQ theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	Triệu đồng/ng /tháng	10,251
3	Thu nhập tính theo lao động bình quân	Triệu đồng /người/tháng	5,942
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị		
1	Đầu tư XDCB		
-	Xây dựng nhà kho nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì.	Tỷ đồng	5,00
2	Mua sắm trang thiết bị		
-	Mua máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt;	Tỷ đồng	1,00
-	Mua sắm 02 máy giặt và 01 máy sấy giặt là.	Tỷ đồng	1,00
Tổng cộng		Tỷ đồng	7,00

III. Nhiệm vụ chủ yếu

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty quy định, trên cơ sở những định hướng phát triển; trong năm 2020, HĐQT xác định sẽ tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1- Bổ sung điều chỉnh cơ cấu Công ty phù hợp với tình hình và điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm đến; tìm kiếm đối tác để chuẩn bị tốt cho việc thoái vốn của BSR.

2- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ; duy trì công tác kiểm tra, giám sát bộ máy trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3- Triển khai tìm kiếm, tận dụng các cơ hội để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo định hướng của cấp có thẩm quyền; tập trung chỉ đạo Bộ máy điều hành thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

4- Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, chuyên môn, cơ sở vật chất để tham gia đấu thầu và triển khai thực hiện đạt hiệu quả các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR;

5- Tăng cường công tác tìm kiếm thị trường và đa dạng hóa sản phẩm bao bì phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sản xuất của Công ty;

6- Rà soát các lĩnh vực hoạt động hiện có của Công ty trên cơ sở tăng cường các lĩnh vực đang có hiệu quả, cải thiện các lĩnh vực có hiệu quả thấp, tái cơ cấu và sắp xếp lại những lĩnh vực kém hiệu quả.

7- Rà soát điều chỉnh cơ cấu tổ chức và nhân sự theo hướng tinh gọn về tổ chức, bố trí, sắp xếp sử dụng đúng năng lực nhân sự cụ thể phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

8- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý với bộ máy đối với một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

9- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

Phần thứ ba MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2020 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ theo nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Hiện tại, Công ty đã là công ty đại chúng quy mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom; trong năm 2020 tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building để công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

- Chấp thuận sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (có Tờ trình kèm theo)
- Giao Hội đồng quản trị chuẩn bị phương án nhân sự kiện toàn Hội đồng quản trị phù hợp với việc sửa đổi bổ sung Điều lệ và điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông,
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.



Trần Đức Hợp

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019,
KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2019, Ban điều hành Công ty báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 với nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Thuận lợi, khó khăn:

- *Thuận lợi:* Trong suốt những năm qua, Công ty vẫn giữ được mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống, đồng thời thu hút thêm được một số khách hàng mới có tiềm năng. Công ty đã ký nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu trú cho nhiều đoàn khách nước ngoài là các chuyên gia, kỹ sư làm việc tại các dự án lớn trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

- *Khó khăn:* Hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì là hoạt động nền tảng chiếm tỷ trọng lợi nhuận lớn nhất của Công ty hiện đang bị áp lực cạnh tranh lớn. Các dây chuyền thiết bị sản xuất của Công ty đã dần lạc hậu về công nghệ nên hiệu quả sản xuất chưa cao, sản lượng sản xuất chưa đáp ứng mục tiêu kế hoạch. Bên cạnh đó, nhiều công nhân sản xuất nghỉ việc do sự chuyển dịch lao động sang các dự án lớn đang triển khai đồng loạt tại Khu kinh tế Dung Quất, nguồn cung lao động thiếu hụt nên việc tuyển dụng bổ sung lao động là công nhân vận hành máy gặp nhiều khó khăn.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2019, Công ty cơ bản hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

- Tổng doanh thu đạt 338,14 tỷ đồng, hoàn thành 144% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 17,19 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch.
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 9,97 tỷ đồng, hoàn thành 136% kế hoạch.

Một số chỉ tiêu chủ yếu về kết quả thực hiện cả năm 2019 được trình bày như bảng dưới đây:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so với KH 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	235,03	338,14	144%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	219,39	320,94	146%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,64	17,19	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,92	15,02	108%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,32	9,97	136%
6	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	8,93	9,81	110%
7	Lao động bình quân	Người	375	353	94%
8	Tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	5,489	6,399	117%
9	Năng suất lao động bình quân	Triệu đồng/tháng	9,473	11,044	117%
10	Quỹ lương người lao động	Triệu đồng	24.699,05	27.105,82	110%
11	Tiền lương người quản lý	Triệu đồng	2.147,17	2.252,10	105%
12	Thù lao kiêm nhiệm	Triệu đồng	139,77	230,37	165%

3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

3.1. Sản xuất kinh doanh bao bì:

- Trong năm 2019, sản lượng tiêu thụ bao nông sản đạt 3,55 triệu bao, hoàn thành 82% kế hoạch.

- Dòng bao chứa hạt nhựa PP cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất được duy trì sản lượng ổn định theo hợp đồng, mang lại hiệu quả tốt cho Công ty. Sản lượng sản xuất đạt 6,87 triệu bao (đạt 104% kế hoạch), lượng hàng tồn kho dự phòng luôn ở mức đảm bảo an toàn vận hành của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Đối với dòng bao xi măng, chủ yếu là sản xuất cuộn mảnh không in, thông qua đầu mối là các đơn vị thương mại để cung cấp cho các nhà máy sản xuất bao xi măng nên sản lượng sản xuất hàng năm không ổn định. Sản lượng tiêu thụ mảnh PP bao xi măng trong năm đạt 0,15 triệu bao, hoàn thành 4% kế hoạch.

Kết quả tiêu thụ bao bì thực hiện năm 2019 được trình bày như bảng dưới đây:

Stt	Sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so với KH 2019
1	Bao nông sản	Triệu bao	4,32	3,55	82%
2	Bao chứa hạt nhựa PP	Triệu bao	6,6	6,01	91%
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	3,6	0,15	4%

3.2. Thương mại:

- Công tác kinh doanh thương mại với hai mặt hàng chính là hạt nhựa Polypropylene (PP), Pallet gỗ... Các hợp đồng mua bán sản phẩm được ký kết với các đầu mối tiêu thụ uy tín, triển khai chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn.

- Sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP trong năm đạt 3.627 tấn, hoàn thành 302% kế hoạch. Sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch do lượng hàng nhận bổ sung từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Sản lượng tiêu thụ Pallet gỗ trong năm đạt 199.939 cái, hoàn thành 167% kế hoạch. Sản lượng vượt kế hoạch chủ yếu cung cấp cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Kết quả hoạt động thương mại thực hiện năm 2019 được trình bày như bảng dưới đây:

Stt	Sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so với KH 2019
1	Hạt nhựa PP	Tấn	1.200	3.627	302%
2	Pallet gỗ	Cái	120.000	199.939	167%

3.3. Dịch vụ hậu cần

- Công ty đã chủ động tìm kiếm, nắm bắt thông tin các dự án, công trình chuẩn bị triển khai, đồng thời tích cực tiếp xúc với các khách hàng để tham gia chào thầu cho nhiều dự án mới. Công ty luôn xác định: Mảng dịch vụ hậu cần phải được ưu tiên, tập trung các nguồn lực để phát triển theo chiều sâu, tạo lập uy tín và thương hiệu riêng trên thị trường.

- Công tác quản lý nhà ở được triển khai theo hợp đồng đã ký với BSR. Các hoạt động liên quan như an ninh, vệ sinh, môi trường, PCCC, giám sát thực hiện nội quy nhà ở... được thực hiện thường xuyên. Việc bố trí, sắp xếp nhà ở CBCNV được tổ chức phù hợp hơn, góp phần nâng cao hiệu quả, tránh lãng phí.

- Dịch vụ đưa đón Lãnh đạo và CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quất ngày càng chuyên nghiệp hơn với phương tiện và đội ngũ lái xe được đầu tư và đào tạo bài bản. Công ty luôn chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ nhằm đảm bảo an toàn vận hành cho phương tiện vận chuyển, trong những năm qua không có sự cố nào xảy ra.

- Dịch vụ giặt ủi hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hơn trong việc tiếp nhận, phân loại, bàn giao BHLĐ cho CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Công ty cũng luôn chú trọng đầu tư các hạng mục xử lý hệ thống nước thải đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường.

00
ĐN
3 F
NH
10C
10
T.

- Dịch vụ cung cấp đồ dùng hậu cần, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng... luôn thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của BSR.

- Dịch vụ kinh doanh lưu trú đạt hiệu quả tốt. Trên cơ sở tận dụng tối đa quỹ nhà ở hiện có, Công ty đã ký nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu trú cho các nhà thầu Trung Quốc, Ấn độ... tham gia thực hiện các dự án lớn tại Khu kinh tế Dung Quất đã góp phần tăng cao lợi nhuận đáng kể cho Công ty.

Kết quả doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ thực hiện năm 2019 được trình bày như bảng dưới đây:

Stt	Doanh thu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so với KH 2019
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	17,49	29,12	166%
2	Dịch vụ giặt là	Tỷ đồng	4,84	4,77	99%
3	Dịch vụ nhà hàng, du lịch	Tỷ đồng	1,54	1,20	78%
4	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	20,90	25,64	123%
5	Dịch vụ hậu cần khác (xe đạp, côn trùng, kho, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	10,76	23,15	215%
Tổng cộng		Tỷ đồng	55,53	83,89	151%

4. Tình hình đầu tư và mua sắm tài sản

Stt	Đầu tư và mua sắm tài sản	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019
1	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ	Tỷ đồng	5,00	-
2	Mua sắm xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	18,36	Đang thực hiện
Tổng cộng		Tỷ đồng	23,36	

4.1. Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất Pallet gỗ:

PV Building đã triển khai nghiên cứu thị trường cung cấp nguyên liệu gỗ (khu vực miền Trung, Tây Nguyên) dùng để sản xuất Pallet theo tiêu chuẩn chất lượng của BSR, khảo sát các địa điểm dự kiến đầu tư xây dựng nhà xưởng Pallet tại Khu kinh tế Dung Quất, tính toán các phương án liên quan trong quá trình sản xuất - vận chuyển - tiêu thụ nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Hiện nay, PV Building vẫn đang tìm kiếm vị trí đầu tư xây dựng nhà xưởng Pallet phù hợp. Trong năm 2020, PV Building sẽ tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án này khi đáp ứng đủ các điều kiện.

4.2. Dự án mua sắm xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh:

Dự án đã được phê duyệt dự toán là 17,03 tỷ đồng tại Quyết định số 40/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 05/11/2019 và đã được tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước. Tính đến

nay, Công ty đã hoàn thành mua sắm đợt 1 gồm 06 xe Toyota Fortuner với giá trị 7,264 tỷ đồng để phục vụ BSR theo hợp đồng đã ký.

4.3. Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc:

Dự án Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc tại phường Trần Phú và phường Lê Hồng Phong đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi đồng ý chuyển đổi hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang giao đất có thu tiền sử dụng với thời hạn sử dụng lâu dài tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Tuy nhiên, đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các Sở, Ngành liên quan vẫn chưa hoàn thành công tác xác định lại giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với Công ty.

5. Công tác nhân sự, đào tạo

5.1. Tình hình nhân sự, tiền lương:

- Tổng lao động của PV Building tính đến 31/12/2019 là 351 người, số lao động bình quân trong năm là 353 người. Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 6,399 triệu đồng/người/tháng tăng 17% so với kế hoạch và tăng 20% so với tiền lương bình quân thực hiện năm trước.

- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) đạt 11,044 triệu đồng/người/tháng tăng 17% so với kế hoạch, tăng 15% so với thực hiện năm trước.

5.2. Công tác đào tạo:

Thường xuyên cử CBCNV tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV Công ty; đào tạo nghiệp vụ tiền lương và chính sách pháp luật, nghiệp vụ kế toán, thuế; nghiệp vụ bảo vệ, nghiệp vụ phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ, đào tạo nghiệp vụ sơ cấp cứu ban đầu; Nghiệp vụ đào tạo kỹ năng bán hàng... Năm 2019, đã đào tạo 221 lượt người với kinh phí thực hiện đào tạo 109,425 triệu đồng.

6. Công tác khác

6.1. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm kiểm soát chặt chẽ; Công ty đã thành lập và kiện toàn mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, thiết bị PCCC được thực hiện thường xuyên và có báo cáo định kỳ hàng tuần cho Giám đốc và các trưởng các bộ phận; triển khai kiểm định thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt, quan trắc môi trường tại nơi sản xuất. Cho đến nay việc tổ chức sản xuất kinh doanh, các vấn đề về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ diễn ra an toàn, không có sự cố nào xảy ra.

6.2. Công tác đoàn thể:

Năm 2019, Công đoàn Công ty đã tổ chức tốt công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho bản thân CBCNV, thăm hỏi động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức tuyên dương, khen thưởng con CBCNV đạt thành tích cao trong năm học 2018-2019, tổ chức chương trình Đêm hội trăng rằm năm 2019 cho con CBCNV Công ty...

Công đoàn và Đoàn Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho CBCNV Công ty; Tích cực tham gia thi đấu và giành nhiều giải thưởng cao trong dịp Hội thao BSR mở rộng như: Giành ngôi vị thứ nhất toàn đoàn Môn Cầu Lông, giải nhất thi đấu hai môn Nhảy bao bố và Kéo co...

6.3. Công tác an sinh xã hội:

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực tham gia công tác an sinh xã hội; điển hình như các hoạt động: phối hợp với Trung tâm Chính trị Xã hội tỉnh Quảng Ngãi cùng đoàn Y Bác sỹ, Nghệ sỹ TP Hồ Chí Minh đã tổ chức gặp gỡ tặng 1.300 suất quà và cấp phát thuốc miễn phí trị giá 650 triệu đồng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các huyện Sơn Tịnh và Ba Tơ; tặng 20 suất quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại huyện Sơn Tịnh; phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tổ chức gặp gỡ và tặng quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách đón Tết cổ truyền Kỷ Hợi 2019 tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn; tặng quà cho học sinh nghèo hiếu học của ngôi trường mang tên Anh hùng - liệt sỹ Nguyễn Kim Vang tại xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2019), tổ chức thăm hỏi, động viên, tri ân những người có công với đất nước, hội tù yêu nước...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

1. Thông tin giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán

Cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán PBT) hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 17.522.284 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng.

2. Công tác thoái vốn

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn/BSR về nhiệm vụ phối hợp triển khai lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building, Ban điều hành Công ty đã chủ động tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư có quan tâm đến chủ trương thoái vốn của BSR. Cụ thể, Công ty đã làm việc với Công ty Cổ phần Hạ tầng Bảo Tín là đơn vị có mong muốn mua toàn bộ cổ phần của BSR tại PV Building. Sau cuộc họp, Người đại diện phần vốn của BSR tại PV Building đã có báo cáo đến BSR để xin ý kiến chỉ đạo tiếp theo.

3. Công tác quản lý điều hành doanh nghiệp

Trong năm, Ban điều hành đã tiến hành rà soát, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ theo quy định đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Kiến toàn cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và các quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2020, PV Building xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn do Nhà máy lọc dầu Dung Quất dừng sản xuất trong 02 tháng để thực hiện bảo dưỡng tổng thể kéo theo một số hoạt động sản xuất kinh doanh đã ký hợp đồng với BSR phải tạm ngừng, sản lượng tiêu thụ bao chứa hạt nhựa PP, hạt nhựa PP, Pallet gỗ... sẽ suy giảm đáng kể. Ngoài ra, giá hợp đồng cung cấp bao nông sản giảm hơn năm trước do áp lực cạnh tranh của thị trường và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bao bì cũng không khả quan hơn các năm trước.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Tập đoàn/BSR, phối hợp với BSR để hoàn thành công tác thoái vốn của BSR tại PV Building xuống còn 51% vốn điều lệ theo chỉ đạo của Tập đoàn.

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty, sắp xếp nhân sự phù hợp với tình hình thực tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm đến.

2.1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

Triển khai nghiên cứu đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất bao PE 3 lớp để đáp ứng nhu cầu nâng cấp mở rộng của BSR cũng như hướng đến các đối tượng khách hàng mục tiêu như Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Long Sơn... Bên cạnh đó, việc đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất mới cũng góp phần đảm bảo an toàn nguồn hàng cung cấp ổn định phục vụ sản xuất của BSR và các khách hàng khác.

2.2. Thương mại:

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng.

Khẩn trương xúc tiến hoạt động kinh doanh LPG, Xăng dầu để góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

2.3. Dịch vụ hậu cần:

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và các đơn vị khác.

Chuẩn bị tốt các nguồn lực về nhân sự có chuyên môn, cơ sở vật chất... để tham gia đấu thầu và triển khai thực hiện đạt hiệu quả các gói thầu cung cấp dịch vụ.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của đơn vị.

II. TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020	
			Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
1	Bao nông sản	Triệu bao	4,32	4,32
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	10,00	10,00
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	3,60	3,60
4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	5,50	5,50

2. Các chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch doanh thu năm 2020
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	30,29
2	Dịch vụ giặt là	Tỷ đồng	5,19
3	Dịch vụ nhà hàng, du lịch	Tỷ đồng	1,20
4	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	26,61
5	Dịch vụ hậu cần khác (xe đạp, côn trùng, kho, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	8,70
Tổng cộng:		Tỷ đồng	71,99

3. Các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	192,39

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	257,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,24
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,40
6	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	0,23
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,02
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9,10

4. Chỉ tiêu về lao động, tiền lương

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020
1	Năng suất lao động bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	10,251
2	Lao động bình quân	Người	370
3	Tiền lương bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	5,942
4	Quỹ tiền lương người lao động	Triệu đồng	26.384,60
5	Tiền lương người quản lý	Triệu đồng	2.894,09
6	Thù lao kiêm nhiệm	Triệu đồng	233,87

5. Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020
1	Đầu tư XDCB		
-	Xây dựng nhà kho nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì.	Tỷ đồng	5,00
2	Mua sắm trang thiết bị		
-	Mua máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt;	Tỷ đồng	1,00
-	Mua sắm 02 máy giặt và 01 máy sấy giặt là.	Tỷ đồng	1,00
Tổng cộng		Tỷ đồng	7,00

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty theo mô hình mới; cơ cấu lại các phòng/bộ phận chức năng, quy hoạch lại chức năng, nhiệm vụ nhằm đảm bảo tính chuyên môn hóa, tiết giảm nhân sự dôi dư, bổ sung các bộ phận chức năng mới theo yêu cầu phát triển của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, quy trình quản trị nội bộ của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện về nhận thức và chuyên môn cho người lao động. Tăng cường công tác tuyển dụng lao động thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Đối với công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Tăng cường kiểm soát, tiết giảm, tối ưu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh như: rà soát, tối ưu hóa chi phí nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, dịch vụ kỹ thuật; tiết giảm chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng; tăng cường kiểm soát trong vận hành sản xuất nhằm giảm thiểu phế phẩm.

- Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh bao bì: Đẩy mạnh việc nghiên cứu, đầu tư mở rộng thị trường, tìm kiếm các đối tượng khách hàng mới, phát triển các dòng sản phẩm mới nhằm hạn chế ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ, duy trì hoạt động sản xuất ổn định trong năm, phát huy tối đa công suất vận hành của dây chuyền sản xuất hiện có của nhà máy.

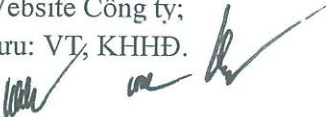
- Đối với các hoạt động dịch vụ, thương mại: Đẩy mạnh việc tự triển khai thực hiện, giảm thuê mua bên ngoài nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của PV Building. Ban điều hành kính mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để thực hiện thành công nhiệm vụ trong thời gian đến.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Các phòng/bộ phận;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KHHĐ.



GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Thu

C.T.C.P. 1/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô Lị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hợp	Chu tịch
Ông Trần Đoàn Thịnh	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Thu	Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2019)
	Phó Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2019)
Ông Trần Đoàn Thịnh	Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Xuân Thu
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

Số: *06/14* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về liệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị,
Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.178.943.025	141.395.694.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.293.741.383	20.540.169.000
1. Tiền	111		7.191.059.933	12.437.487.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.102.681.450	8.102.681.450
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.082.723.867	87.126.055.072
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.246.662.419	77.450.956.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.529.570.880	9.099.854.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	811.304.814	1.080.057.937
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(504.814.246)	(504.814.246)
IV. Hàng tồn kho	140	9	35.405.791.439	28.247.755.512
1. Hàng tồn kho	141		35.533.545.791	28.467.276.535
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(127.754.352)	(219.521.023)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.396.686.336	3.481.715.044
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.396.686.336	1.454.525.697
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	2.027.189.347
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.076.338.975	107.070.808.986
I. Tài sản cố định	220		89.789.953.841	102.986.200.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	89.789.953.841	102.986.200.820
- Nguyên giá	222		185.494.208.777	184.653.660.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.704.254.936)	(81.667.459.491)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.286.385.134	4.084.608.166
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.286.385.134	4.084.608.166
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		226.255.282.000	248.466.503.614
(270=100+200)				

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.454.809.952	60.198.179.901
I. Nợ ngắn hạn	310		34.454.809.952	60.198.179.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	21.756.141.635	44.875.929.045
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.656.413.745	9.196.721.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	813.764.355	-
4. Phải trả người lao động	314		4.842.912.451	2.312.813.639
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.397.605.946	1.674.581.672
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.987.971.820	2.138.133.679
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.800.472.048	188.268.323.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	191.800.472.048	188.268.323.713
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.931.055.044	2.931.055.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.518.408.982	9.986.260.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		13.518.408.982	9.986.260.647
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		226.255.282.000	248.466.503.614


 Nguyễn Thị Thủy Vân
 Người lập biểu


 Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng




 Trần Xuân Thu
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	337.055.552.641	556.908.054.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	3.369.000	1.868.215
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		337.052.183.641	556.906.186.455
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	300.606.134.743	524.385.924.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.446.048.898	32.520.262.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		863.630.916	771.787.282
7. Chi phí tài chính	22		1.517.968	66.568.284
- Trong đó: Chi phí lãi vay	??		-	66.136.003
8. Chi phí bán hàng	25	21	3.353.674.111	2.568.035.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	16.788.172.916	15.786.065.840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		17.166.314.819	14.871.379.350
11. Thu nhập khác	31		220.664.821	596.036.036
12. Chi phí khác	32		192.642.591	36.040.175
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		28.022.230	559.995.861
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.194.337.049	15.431.375.211
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.175.928.067	(1.313.691.808)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		15.018.408.982	16.745.067.019
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	771	766



Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu



Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng



Trần Xuân Thu
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.194.337.049	15.431.375.211
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.036.795.445	15.220.570.375
Các khoản dự phòng	03	(91.766.671)	(214.236.208)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(863.514.550)	(1.407.320.745)
Chi phí lãi vay	06		68.136.003
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.275.851.273	29.096.524.636
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	26.197.946.042	(2.257.934.062)
Tăng hàng tồn kho	10	(7.066.269.256)	(13.440.217.296)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(26.113.143.560)	9.869.401.188
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(143.937.607)	603.847.351
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(66.136.003)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.874.350.000)	(1.794.327.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.276.096.892	22.011.158.068
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(762.510.466)	(38.309.091)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.427.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	708.899.713	767.795.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.610.753)	2.156.758.765
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	19.784.753.948
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(19.784.753.948)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.468.913.756)	(16.507.401.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.468.913.756)	(16.507.401.120)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	11.753.572.383	7.660.515.713
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.540.169.000	12.879.653.287
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	32.293.741.383	20.540.169.000







Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu

Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng

Trần Xuân Thu
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí - (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 351 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 328).

Công ty mẹ của Công ty là Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giấy nhấn, bì nhấn, bao bì từ giấy và bì;
- In ấn trên các sản phẩm bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Điều hành tour du lịch;
- Bán buôn gạo, đồ uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Mua, bán bã sắn; Mua, bán tro bay; Mua, bán xỉ than;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cung cấp, quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy;
- Vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa, duy tu, cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kỹ thuật;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn;
- Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố;
- Quản lý, khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mát nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;
- Khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị;
- Đại lý xăng dầu;
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng: cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khí đầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Mua bán hạt nhựa;

- Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động và tổ chức sự kiện;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận bắt đầu từ ngày gửi tiền theo hợp đồng tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa mua ngoài, giá gốc hàng hóa mua vào bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng đối với hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	
- Phần xưởng sản xuất bao bì	23
- Khác	5 - 20
Máy móc, thiết bị	
- Phần xưởng sản xuất bao bì	20
- Khác	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế của dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	24.455.059	393.321.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.166.604.874	12.044.165.925
Các khoản tương đương tiền (i)	25.102.681.450	8.102.681.450
	<u>32.293.741.383</u>	<u>20.540.169.000</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất. Khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc 12 tháng kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019 với lãi suất 6,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	43.616.077.342	52.973.669.940
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu Khí	3.695.960.367	-
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	-	276.697.249
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.934.624.710	24.200.589.392
	57.246.662.419	77.450.956.581
Trong đó		
- Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	47.342.037.709	53.003.669.940

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lãi tiền gửi dự thu	230.040.123	75.425.286
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	-	67.646.150
Phải thu khác	581.264.691	936.986.501
	811.304.814	1.080.057.937
Trong đó		
- Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	504.814.246	504.814.246

8. NỢ XẤU

Đối tượng	<u>Số cuối năm</u> VND			<u>Số đầu năm</u> VND		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng đã trích	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị dự phòng đã trích	Giá trị có thể thu hồi
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400	-	169.784.400	169.784.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	335.029.846	-	335.029.846	335.029.846	-
	504.814.246	504.814.246	-	504.814.246	504.814.246	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản nợ phải thu trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.648.492.782	(10.113.000)	20.680.592.147	(10.113.000)
Công cụ, dụng cụ	2.547.999.834	-	2.208.742.334	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.387.850.775	-	1.091.242.106	-
Thành phẩm	8.850.250.593	(117.641.352)	2.716.419.988	(209.408.023)
Hàng hoá	98.951.807	-	1.770.279.960	-
	35.533.545.791	(127.754.352)	28.467.276.535	(219.521.023)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho thành phẩm Mạnh Nhật Trang để gia công các sản phẩm khác, số tiền là 91.766.671 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ ngắn hạn	551.913.896	750.377.475
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	386.793.347	345.171.817
- Chi phí mua bảo hiểm, khám sức khỏe cho nhân viên	294.661.335	202.402.987
- Khác	163.317.758	156.573.418
	<u>1.396.686.336</u>	<u>1.454.525.697</u>
b. Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ dài hạn	1.399.558.488	1.916.978.543
- Chi phí bảo hiểm xe ô tô	36.823.600	214.155.392
- Khác	2.850.003.046	1.953.474.231
	<u>4.286.385.134</u>	<u>4.084.608.166</u>



12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số VND có khả năng trả nợ	Giá trị	Số VND có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	15.898.947.552	15.898.947.552	33.353.137.809	33.353.137.809
Các đối tượng khác	5.857.194.083	5.857.194.083	11.522.791.236	11.522.791.236
	21.756.141.635	21.756.141.635	44.875.929.045	44.875.929.045
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	16.740.269.752	16.740.269.752	34.136.983.730	34.136.983.730

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(175.866.431)	7.205.599.131	6.599.780.437	429.952.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.849.113.943)	2.175.928.067	-	326.814.124
Thuế thu nhập cá nhân	(2.208.973)	364.878.648	305.671.707	56.997.968
Thuế khác	-	219.923.205	219.923.205	-
	(2.027.189.347)	9.966.329.051	7.125.375.349	813.764.355
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.027.189.347			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-			813.764.355

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	176.495	991.168.448
Kinh phí công đoàn	101.233.018	83.547.627
Các quỹ ủng hộ, từ thiện	194.128.835	194.128.835
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	606.904.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	495.163.598	405.736.762
	1.397.605.946	1.674.581.672

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.339.514.748	190.621.577.814					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.745.067.019	16.745.067.019					
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(566.372.000)	(566.372.000)					
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)					
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(224.548.000)	(224.548.000)					
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(11.548.594.748)	(11.548.594.748)					
Tạm chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(4.958.806.372)	(4.958.806.372)					
Số dư đầu năm nay	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	9.986.260.647	188.268.323.713					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.018.408.982	15.018.408.982					
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 (*)	-	-	-	(1.250.688.141)	(1.250.688.141)					
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 (**)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)					
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2018 (*)	-	-	-	(266.658.750)	(266.658.750)					
Chia cổ tức năm 2018 (*)	-	-	-	(8.468.913.756)	(8.468.913.756)					
Số dư cuối năm nay	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	13.518.408.982	191.800.472.048					

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.050.688.141 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2018 số tiền 1.800.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 1.250.688.141 VND);

- Trích Quỹ thưởng ban điều hành: 266.658.750 VND;

- Chia cổ tức bằng tiền: 13.427.720.128 VND (Trong năm 2018, Công ty đã tạm chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông là 4.958.806.372 VND. Số tiền chi trả cổ tức năm 2018 còn lại là 8.468.913.756 VND). Trong năm 2019, toàn bộ số tiền cổ tức này đã được chi trả cho cổ đông.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2019, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 với số tiền là 1.500.000.000 VND.



Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 20 ngày 19 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	145.892.845.365	83,26	145.892.845.365	83,26
Nhà khách Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	23.830.000.000	13,60	23.830.000.000	13,60
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ	23.275,71	468,72

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh hạt nhựa, khí hóa lỏng, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.001.682.849	249.050.500.792	337.052.183.641
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	70.720.142.639	229.885.992.104	300.606.134.743
3. Chi phí bán hàng	2.377.491.969	976.182.142	3.353.674.111
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.048.488.939	11.739.683.977	16.788.172.916
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	863.630.916	863.630.916
6. Chi phí tài chính	-	1.517.968	1.517.968
7. Thu nhập khác	-	220.664.821	220.664.821
8. Chi phí khác	-	192.642.591	192.642.591
9. Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.855.559.302	7.338.777.747	17.194.337.049

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.142.893.327	453.763.293.128	556.906.186.455
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	83.111.603.446	441.274.320.884	524.385.924.330
3. Chi phí bán hàng	1.747.092.102	820.943.831	2.568.035.933
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.895.915.442	11.890.150.398	15.786.065.840
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	771.787.282	771.787.282
6. Chi phí tài chính	-	66.568.284	66.568.284
7. Thu nhập khác	-	596.036.036	596.036.036
8. Chi phí khác	-	36.040.175	36.040.175
9. Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.388.282.337	1.043.092.874	15.431.375.211

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hạt nhựa	92.088.463.692	328.293.271.023
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	88.005.051.849	103.144.761.542
Doanh thu bán Pallet	73.073.868.000	48.823.816.000
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	29.117.142.266	19.251.906.980
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	25.644.218.892	25.283.565.403
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	931.389.380	1.065.173.655
Doanh thu dịch vụ khác	28.195.418.562	31.045.560.067
	337.055.552.641	556.908.054.670
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 24)	178.900.210.912	179.375.719.417
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	3.369.000	1.868.215
	3.369.000	1.868.215

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hạt nhựa	90.993.060.134	325.913.555.054
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	70.720.142.639	83.111.603.446
Giá vốn bán Pallet	70.684.377.014	47.653.490.358
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	18.472.777.157	16.069.268.737
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	22.602.889.530	21.945.564.926
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	776.731.766	1.010.340.490
Giá vốn dịch vụ khác	26.356.156.503	28.682.101.319
	300.606.134.743	524.385.924.330

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.979.303.379	88.506.503.202
Chi phí nhân công	38.040.139.880	36.938.296.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.036.795.445	15.220.570.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.666.821.576	38.105.369.458
Chi phí khác bằng tiền	1.512.275.081	2.872.818.959
	183.235.335.361	181.643.558.934

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	8.528.659.981	7.819.190.015
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	530.254.751	342.941.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.348.184.426	1.691.009.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.267.705.971	4.302.060.209
Chi phí khác bằng tiền	1.113.367.787	1.630.864.067
	16.788.172.916	15.786.065.840
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.458.771.330	1.291.621.104
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	-	4.919.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.776.295.673	1.193.540.658
Chi phí khác bằng tiền	118.607.108	77.955.170
	3.353.674.111	2.568.035.933

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	17.194.337.049	15.431.375.211
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.187.827.418	1.355.078.838
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.382.164.467	16.786.454.049
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	8.378.798.958	2.441.660.932
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	10.003.365.509	14.344.793.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.676.096.343	1.922.811.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(500.168.275)	(717.239.656)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn (**)	-	(2.519.263.650)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.175.928.067	(1.313.691.808)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

(**) Theo Quyết định số 960/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ngày 12 tháng 6 năm 2018, Công ty được hoàn số thuế thu nhập doanh nghiệp đã đóng của dự án Nhà máy sản xuất bao bì với số tiền là 2.519.263.650 VND.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.018.408.982	16.745.067.019
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.500.000.000)	(3.050.688.141)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	(266.658.750)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.518.408.982	13.427.720.128
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	771	766

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2019. Quỹ khen thưởng, phúc lợi này có thể thay đổi theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông năm 2020, theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 sẽ thay đổi tương ứng.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bằng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2019. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại như sau:

	Số trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	853	766	87

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Nhà khách Cẩm Thành	Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trong cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	171.623.014.518	178.873.658.821
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	6.853.923.670	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	327.272.724	406.060.596
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	96.000.000	96.000.000
	<u>178.900.210.912</u>	<u>179.375.719.417</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	91.705.793.149	358.747.185.786
Khách sạn Cẩm Thành	4.046.557.269	4.006.427.276
Công ty CP vận tải Dầu khí Đông Dương	2.406.192.000	2.403.334.727
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	2.111.845.363	2.433.058.858
Công ty bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	698.250.725	379.209.659
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	154.313.752	304.551.067
	<u>101.122.952.258</u>	<u>368.273.767.373</u>
Cổ tức trả trong năm		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	7.046.624.172	13.744.127.359
Khách sạn Cẩm Thành	265.650.000	518.275.875
	<u>7.312.274.172</u>	<u>14.262.403.234</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.482.478.282	2.133.270.490
	<u>2.482.478.282</u>	<u>2.133.270.490</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	43.616.077.342	52.973.669.940
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	3.695.960.367	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.000.000	30.000.000
	<u>47.342.037.709</u>	<u>53.003.669.940</u>
Phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	335.029.846
	<u>504.814.246</u>	<u>504.814.246</u>

9492
TY
ẤN
IG M
HÍ
QUẢN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	15.898.947.552	33.353.137.809
Khách sạn Cẩm Thành	360.000.000	366.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	233.448.600	194.931.570
Công ty CP vận tải Dầu khí Đông Dương	220.316.800	220.000.000
Công ty bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	27.556.800	2.914.351
	16.740.269.752	34.136.983.730

Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu

Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Xuân Thu
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2020



Số: 01/BC-BKS-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 03 năm 2020



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2019,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

1.1. Nhân sự Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên:

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy Trưởng ban kiểm soát chuyên trách
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo Thành viên kiêm nhiệm
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh Thành viên kiêm nhiệm

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, tập trung chủ yếu vào các nội dung:

- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định nội bộ của Công ty;
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; tình hình quản lý và sử dụng vốn, tình hình tài chính của Công ty;
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nghĩa vụ của công ty đại chúng về công bố thông tin.

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện thông qua các công việc như sau:

- Tiến hành các cuộc họp triển khai phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát, thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát trong năm 2019;

- Thực hiện các đợt kiểm tra trực tiếp, soát xét định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác tại Công ty. Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã đưa ra các kết luận và kiến nghị đến Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty;
- Thẩm định các báo cáo tài chính, các báo cáo tình hình kinh doanh của Ban điều hành, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và các tài liệu khác có liên quan;
- Tham dự và tham gia ý kiến trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Ban điều hành Công ty;
- Xem xét tính phù hợp và đưa ra các góp ý cụ thể trong quá trình xây dựng, rà soát hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ và trong công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá: các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, làm việc chủ động và có trách nhiệm, cơ bản đã hoàn thành các công việc được giao.

2. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2019

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Công ty. Tổng thu nhập trong năm 2019 của Ban kiểm soát là: 416.118.943 đồng, trong đó: thu nhập của trưởng ban là 261.555.010 đồng, của thành viên là 77.281.966 đồng/thành viên.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại Công ty và Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát cho rằng Báo cáo tài chính năm 2019 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% so với KH
I	Sản lượng tiêu thụ				
1	Bao chứa hạt nhựa PP	Triệu bao	6,60	6,01	91%
2	Bao nông sản	Triệu bao	4,32	3,55	82%
3	Bao xi măng	Triệu bao	3,60	0,15	4%
4	Hạt nhựa PP	Tấn	1.200	3.627	302%
5	Pallet gỗ	Cái	120.000	199.939	167%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	235,03	338,14	144%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	219,39	320,94	146%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,64	17,19	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,92	15,02	108%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7,32	9,97	136%

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục duy trì các lĩnh vực kinh doanh. Trong đó, lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì tuy chịu nhiều áp lực cạnh tranh về thị trường tiêu thụ nhưng vẫn đảm bảo đạt hiệu quả. Lĩnh vực kinh doanh thương mại có sản lượng pallet và hạt nhựa đạt ở mức cao so với kế hoạch đề ra. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ luôn đa dạng các ngành nghề và được triển khai đạt hiệu quả, đặc biệt là dịch vụ cho thuê nhà gặp nhiều thuận lợi, số lượng khách lưu trú tại cả 03 khu nhà ở Vạn Tường, Đê bao sông Trà và khu 28 ha tăng đáng kể, góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty.

Tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2019 đã đạt được những kết quả tốt; tổng doanh thu và thu nhập đạt 338,14 tỷ đồng, hoàn thành 144% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 15,02 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch năm. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cùng với tập thể cán bộ người lao động đã luôn tích cực làm việc, nỗ lực khắc phục những khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Kết quả giám sát tình hình tài chính năm 2019

3.1. Tình hình tài sản, nguồn vốn

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	So với đầu năm		Tỷ trọng
			Tăng/Giảm	Tỷ lệ	
A. Tài sản ngắn hạn	132.178.943.025	141.395.694.628	(9.216.751.603)	-7%	58%
I. Tiền và các khoản TĐ tiền	32.293.741.383	20.540.169.000	11.753.572.383	57%	14%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-		1%
III. Các khoản phải thu NH	61.082.723.867	87.126.055.072	(26.043.331.205)	-30%	27%
IV. Hàng tồn kho	35.405.791.439	28.247.755.512	7.158.035.927	25%	16%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.396.686.336	3.481.715.044	(2.085.028.708)	-60%	1%
B. Tài sản dài hạn	94.076.338.975	107.070.808.986	(12.994.470.011)	-12%	42%
I. Tài sản cố định	89.789.953.841	102.986.200.820	(13.196.246.979)	-13%	40%
II. Tài sản dài hạn khác	4.286.385.134	4.084.608.166	201.776.968	5%	2%
TỔNG TÀI SẢN	226.255.282.000	248.466.503.614	(22.211.221.614)	-9%	100%
C. Nợ phải trả	34.454.809.952	60.198.179.901	(25.743.369.949)	-43%	15%
D. Vốn chủ sở hữu	191.800.472.048	188.268.323.713	3.532.148.335	2%	85%
TỔNG NGUỒN VỐN	226.255.282.000	248.466.503.614	(22.211.221.614)	-9%	100%

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 226,25 tỷ đồng, giảm 22,21 tỷ đồng (trương đương giảm 9%) so với đầu năm.

Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn trong Tổng tài sản lần lượt là 58% và 42%. So với đầu năm: Tài sản ngắn hạn giảm 9,22 tỷ đồng, chủ yếu do giảm các khoản phải thu khách hàng 26,04 tỷ đồng, tăng tiền và các khoản trương đương tiền 11,75 tỷ đồng và tăng thành phẩm tồn kho 7,16 tỷ đồng; Tài sản dài hạn giảm 12,99 tỷ đồng, chủ yếu do tăng giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định.

Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu và Nợ phải trả (ngắn hạn) trong Tổng nguồn vốn lần lượt là 85% và 15%. So với đầu năm: Vốn chủ sở hữu tăng 3,53 tỷ đồng do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; Nợ phải trả giảm 25,74 tỷ đồng, chủ yếu do giảm các khoản phải trả người bán 23,12 tỷ đồng.

3.2. Đánh giá tình hình tài chính qua các chỉ số tài chính

Nội dung	2019	2018
Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,84	2,35
Hệ số thanh toán nhanh (Trương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,94	0,34
Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,15	0,24
Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,42	2,28
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	9,45	24,48
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu có thuế/Các khoản phải thu BQ)	5,00	7,12
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS = Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	4,46%	3,01%
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ)	6,33%	6,86%
Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư (ROE = Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân)	7,90%	8,84%

Các tỷ số tài chính về năng lực thanh toán của Công ty khá tốt, nợ phải trả chỉ ở mức 15% tổng tài sản, lượng tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm gần như đáp ứng ngay được toàn bộ các khoản nợ, Công ty không gặp khó khăn về tài chính.

Các tỷ số tài chính về hiệu suất hoạt động của Công ty cho thấy so với năm trước, tài sản tạo ra ít doanh thu hơn, số ngày tồn kho (của một vòng quay) dài hơn và kỳ thu tiền trung bình cũng dài hơn. Công ty cần quyết liệt hơn trong công tác thu nợ khách hàng và chú trọng quản trị hàng tồn kho nhằm đạt hiệu quả hoạt động tốt hơn nữa.

Các tỷ số tài chính về khả năng sinh lời của Công ty cho thấy so với năm trước, mặc dù doanh thu bị sụt giảm nhưng suất sinh lời của doanh thu tăng, tình hình kinh doanh hiệu quả hơn năm trước. Riêng hai hệ số ROA và ROE thấp hơn năm trước là do năm trước lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng đột biến (năm trước Công ty được hoàn số thuế 2,5 tỷ đồng do được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất).

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY TRONG NĂM 2019

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Kế hoạch năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/04/2019, Hội đồng quản trị đã phê duyệt Chi tiết kế hoạch SXKD năm 2019 và phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch; chỉ đạo và giải quyết công việc kịp thời; các văn bản mà Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông.

2. Hoạt động của Ban điều hành

Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong năm Ban điều hành Công ty đã tổ chức thường xuyên các cuộc họp giao ban để thảo luận công việc, cùng nhau tháo gỡ những khó khăn phát sinh, chỉ đạo các bộ phận thực hiện các giải pháp nhằm ổn định sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin, báo cáo và nộp ngân sách nhà nước, nghĩa vụ đối với người lao động; Ban điều hành đã phát huy vai trò của mình

14. IG 'H. LÀ NG CH. LU

trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2019

Việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử và văn bản, dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy định.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại Công ty. Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có các kiến nghị cụ thể và đã được các bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

Trong năm 2019, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi về Ban kiểm soát để yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng quý/năm,
- Kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
- Thực hiện các đợt kiểm tra trực tiếp; thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định;
- Tăng cường công tác phối hợp, đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm kiểm soát các chi phí, kịp thời cảnh báo các rủi ro;
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các thành viên;
- Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT; BKS; GD;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Thị Phương Thúy

